

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ DỊCH VỤ HSK PRODUCTION
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ DỊCH VỤ HSK PRODUCTION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HSK PRODUCTION SERVICES AND COMMUNICATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HSK PRODUCTION SECOMI CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110338560

3. Ngày thành lập: 04/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 91 phố Hàng Gai, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0705662222

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Mua bán trang thiết bị y tế (Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 8/11/2021)	4659
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
6.	Chăn nuôi gia cầm	0146
7.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (Không bao gồm trồng cây trang trại và chăn nuôi trang trại)	0150
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
10.	Đào tạo sơ cấp (Luật giáo dục 2019; Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017)	8531
11.	Đào tạo trung cấp (Luật giáo dục 2019; Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017)	8532
12.	Đào tạo cao đẳng (Luật giáo dục 2019; Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017)	8533
13.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9000
14.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Khắc phục sự cố máy tính; - Cài đặt phần mềm	6209
15.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
16.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí)	6312
17.	Quảng cáo (Luật quảng cáo 2012);	7310
18.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);	7320(Chính)
19.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội thất	7410
20.	Hoạt động nhiếp ảnh (Nghị định 72/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016)	7420
21.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: tư vấn du học (Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017)	7490
22.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
23.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
24.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
25.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
26.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
27.	Sản xuất giày, dép	1520

28.	In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1811
29.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
30.	Sản xuất sơn, vec ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn, vec ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít	2022
31.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
32.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
33.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
34.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
35.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
36.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
37.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kho ngoại quan)	5210
38.	Bốc xếp hàng hóa	5224
39.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (Luật du lịch 2017; Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016)	5510
40.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
41.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Luật điện ảnh 2022)	5911
42.	Hoạt động hậu kỳ (Luật điện ảnh 2022)	5912
43.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video (Luật điện ảnh 2022)	5913
44.	Hoạt động chiếu phim (Luật điện ảnh 2022)	5914
45.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm (Loại trừ kinh doanh karaoke).	5920
46.	Hoạt động phát thanh (Nghị định 71/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung 1 số điều của nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016).	6010
47.	Hoạt động truyền hình (Nghị định 71/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung 1 số điều của nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016).	6021
48.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

49.	Đại lý du lịch (Luật du lịch 2017)	7911
50.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: - Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa - Sản xuất trang thiết bị y tế (Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 8/11/2021)	3250
51.	Xây dựng nhà không để ở	4102
52.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
53.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
54.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
55.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm thiết bị, phần mềm ngụy trang dùng để ghi âm, ghi hình)	4741
56.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
57.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
58.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
59.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
60.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	HOA NGỌC HẢI	Việt Nam	Số nhà 91 phố Hàng Gai, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	600.000.000	60,000	001084000697	

2	LÊ QUANG ANH	Việt Nam	P303 số 2 ngõ 53 đường Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	400.000.000	40,000	001090034003	
---	--------------	----------	--	-------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOA NGỌC HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/09/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001084000697

Ngày cấp: 12/03/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 91 phố Hàng Gai, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 91 phố Hàng Gai, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội